TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2020/DS-ST
Ngày: 26 - 5 -2020
V/v: đòi tài sản phát sinh từ Hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – chủ Tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Mộng Thúy
Các Hội thẩm nhân dân:
1.Ông Nguyễn Thanh Hoàng
2.Bà Nguyễn Thị Rạt

-Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Còn – Kiểm sát viên

Trong ngày 26 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 604/2019/TLST- DS ngày 04 tháng 12 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐXX-ST ngày 04 tháng 02 năm 2020 giữa:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1947

1.2. Bà Lê Thị Ng, sinh năm sinh năm 1944

Cùng địa chỉ: Ấp NH1, xã ĐHT,huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

1.3. Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1996

1.4. Ông Nguyễn Minh Đ, sinh 1989

1.5. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1967

Cùng địa chỉ: Ấp RS, xã MHB, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Là những người thừa kế quyền khởi kiện của bà Nguyễn Hồng Ng, sinh năm 1966 chết ngày 22/7/2016.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Th, bà Ng, anh Đ và anh L là ông Nguyễn Văn H theo văn bản ủy quyền ngày 15/8/2019 (có mặt).

2.Bị đơn: Bà Trương Thị Ngọc L, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp HH, xã ĐHT, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 8 năm 2019, trong những lời khai tiếp theo tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn H thừa kế quyền khởi kiện bà Nguyễn Hồng Ng và ông H đại diện cho những người thừa kế khác là ông Đ, ông L, ông Th và bà Ng trình bày:*Bà Nguyễn Hồng Ng sinh năm 1966 chết ngày 22/7/2016 có chồng là ông (Nguyễn Văn H) có hai người con tên Nguyễn Minh Đ, Nguyễn Hữu L, mẹ bà Nguyên là bà Lê Thị Ng và ông Nguyễn Văn Th. Lúc còn sống bà Nguyên có làm thảo hụi còn bà Nguyễn Thị Tiết là hụi viên, bà L có tham gia các dây hụi như sau:

1/ Hụi khui ngày 10/10/2015, hụi 5.000.000 đồng/tháng, gồm 20 phần, bà L tham gia 01 phần đã đóng được 02 kỳ thì hốt với số tiền từng kỳ cụ thể là: kỳ 1: 3.500.000 đồng; kỳ 2: 3.490.000 đồng; kỳ 3: hốt với số tiền là 67.000.000 đồng; đóng lại được 07 kỳ với số tiền 35 triệu đồng. Tổng cộng số tiền bà L đã đóng là 41.990.000 đồng. Khấu trừ số tiền đóng vào số tiền hốt bà L còn thiếu là 25.010.000 đồng.

2/ Hụi khui ngày 10/12/2015, hụi 5.000.000 đồng/tháng, gồm 19 phần, bà L tham gia 01 phần đã hốt kỳ 4 với số tiền là 68.750.000 đồng; đã đóng được 07 kỳ với số tiền từng kỳ cụ thể là: kỳ 1 là 3.500.000 đ, kỳ 2 là 3.440.000đ, kỳ 4 đến kỳ 8 đóng mỗi kỳ là 25.000.000 đồng. Tổng cộng đóng là 31.940.000đồng, khấu trừ tiền đóng vào tiền hốt bà L còn thiếu là 36.810.000 đồng .

3/ Hụi khui 10/3/2016, dây hụi 5.000.000 đồng/tháng, gồm 21 phần, bà L tham gia 02 phần đã đóng được: kỳ 1: 7.200.000 đồng; kỳ 2: 7.000.000 đồng; kỳ 3: hốt một phần với số tiền 67.500.000 đồng; kỳ 4:đóng 8.470.000 đồng; kỳ 5: hốt với số tiền là: 74.900.000 đồng. Tổng cộng số tiền đã đóng là 27.670.000 đồng, đã hốt hai phần với số tiền là 142.400.000 đồng. Khấu trừ tiền đã hốt vào tiền đã đóng thì bà L còn thiếu là 114.430.000 đồng.

4/. Hụi khui ngày 10/03/2016, hụi 1.000.000 đồng/tháng, gồm 20 phần, bà L tham gia 01 phần đã đóng được: kỳ 1:750.000 đồng; kỳ 2: 750.000 đồng; kỳ 3: 750.000 đồng; kỳ 4: hốt với số tiền 15.904.000 đồng; kỳ 5: đóng 1.000.000 đồng. Số tiền bà L đóng được là 3.250.000 đồng. Khấu trừ tiền đóng vào tiền hốt bà L còn thiếu 12.654.000 đồng.

5/ Hụi khui ngày 10/5/2015 hụi 2.000.000 đồng/tháng, gồm 21 phần, bà L tham gia 01 phần đã đóng được 02 kỳ: kỳ 1: 1.450.000 đồng; kỳ 2: 1.450.000 đồng; kỳ 3: hốt 29.100.000 đồng; từ kỳ 4 đến kỳ 14 mỗi kỳ đóng 2.000.000 đồng là 28.000.000 đồng. Tổng cộng bà L đã đóng là 30.900.000 đồng. Khấu trừ số tiền hốt vào số tiền hốt bà L dư là 1.800.000 đồng.

6/. Hụi khui ngày 10/06/2015, hụi 1.000.000 đồng/tháng, gồm 26 phần, đóng ngày 15 hàng tháng, bà L tham gia 02 phần đã đóng được số tiền từng kỳ cụ thể: kỳ 1: 1.400.000 đồng; kỳ 2: 1.400.000 đồng; kỳ 3: 1.400.000 đồng; kỳ 4: 1.400.000 đồng; kỳ 5: 1.400.000 đồng; kỳ 6: 1.400.000 đồng; kỳ 7: hốt 18.800.000 đồng; kỳ 8:hốt 20.000.000 đồng; kỳ 9: đóng 2000.000 đồng; kỳ 10: đóng 2.000.000 đồng; kỳ 11: đóng 2.000.000 đồng; kỳ 12: đóng 2.000.000 đồng; kỳ 13: đóng 2.000.000 đồng; kỳ 14: đóng 2.000.000 đồng. Như vậy bà L đã hốt 38.800.000 đồng, đã đóng là 20.400.000 đồng. Khấu trừ số tiền hốt vào số tiền đóng bà L còn thiếu là 18.400.000 đồng.

7/. Hui khui ngày 06/10/2015 dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, gồm 19 phần, bà tham gia 01 phần đã đóng được kỳ 1: 1.450.000 đồng; kỳ 2 bà L hốt với số tiền là 24.200.000 đồng. Từ kỳ 3 đến kỳ 10 mỗi kỳ đã đóng 2.000.000 đồng hụi chết là 16 triệu. Như vậy bà L đã đóng 17.450.000 đồng. Khấu trừ số tiền đã đóng vào số tiền đã hốt, bà L còn thiếu: 6.750.000 đồng.

8/. Hui khui ngày 10/04/2016, hụi 2.000.000 đồng/tháng, gồm 18 phần, bà L tham gia 01 phần, kỳ 1: đóng 1.500.000 đồng; kỳ 2: 1.690.000 đồng; kỳ 3: hốt 26.800.000 đồng; kỳ 4: đóng với số tiền là 2.000.000 đồng. Bà L đã đóng 5.190.000 đồng. Khấu trừ tiền đóng vào số tiền đã hốt bà L còn thiếu 21.160.000 đồng.

9/Hụi khui ngày 10/12/2015, dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, gồm 22 phần, bà L tham gia 02 phần đã đóng : kỳ 1: 1.400.000 đồng; kỳ 2: hốt một phần là 15.500.000.000 đồng; kỳ 3:hốt 17.100.000đồng; từ kỳ 4 đến kỳ 8 mỗi kỳ đóng 2.000.000 đồng. Bà L đã đóng 11.400.000 đồng. Bà L hốt 02 phần là 32.600.000 đồng. Khấu trừ tiền hụi hốt vào tiền đã đóng bà L còn thiếu 21.200.000 đồng.

10/Hụi khui ngày 10/3/2015, hụi 2.000.000 đồng/tháng, gồm 22 phần, bà L tham gia 02 phần hốt kỳ 1 là 19.300.000 đồng và kỳ 2 là 33.600.000 đồng; đó hụi chết từ kỳ 3 đến kỳ 17 mỗi kỳ 4 triệu với số tiền là 60 triệu. Khấu trừ hụi hốt và tiền hụi đã đóng bà L còn dư: 7.100.000 đồng.

Như vậy số tiền bà L còn thiếu là 256.864.000 đồng – (7.100.000 + 1.800.000) = 247.964.000 đồng. Do đó ông đề nghị Tòa án buộc bà L phải trả cho các đồng thừa kế của bà Nguyên là 247.964.000 đồng. Trước đây theo đơn khởi kiện ngày 19/8/2019 có kiện bà L là đòi 282.500.000 đồng nay ông và ông đại diện có các đồng nguyên đơn khác xin rút lại một phần yêu cầu chỉ khởi kiện 247.964.000 đồng.

Bị đơn bà Trương Thị Ngọc L: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và tống đạt tất cả các văn bản tố tụng nhưng không phản hồi ý kiến gì về việc giải quyết vụ án cho Tòa án.

Kiểm sát viên tại phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm Phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng đã tiến hành làm việc đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án: "*Đòi tài sản phát sinh từ Hợp đồng góp hụi"* vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đức Hoà theo quy định Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Các ông bà Th, H, Ng, Đ và L là những người thừa kế quyền đòi tài sản của bà Nguyễn Hồng Nguyên là phù hợp Điều 374 Bộ luật dân sự năm 2015. Các ông bà (nguyên đơn) cho rằng bà Trương Thị Ngọc L xâm phạm quyền L của các ông bà nên các ông bà có quyền khởi kiện theo quy định Điều 186 BLTTDS. Bà Trương Thị Ngọc L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà L.

[2] Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của ông Nguyễn Văn H tại phiên tòa thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong năm 2015, bà L có tham gia Hợp đồng góp hụi với bà Nguyễn Hồng Nguyên (vợ ông H) đã chết ngày 22/7/2016 do bà Ng làm thảo hụi. Sau khi bà Nguyên chết giữa ông H và bà L không có ngồi lại chốt hụi. Do bà Ng đột ngột chết làm cho các hợp đồng góp hụi phải chấm dứt nên các đương sự tức là những người thừa kế của bà Ng và bà L phải trả cho nhau những gì đã nhận. Đối chiếu vào sổ hụi bản chính do bà Ng chết để lại thì có căn cứ xác định bà L có tham gia các hợp đồng góp hụi do bà Ng làm thảo gồm các dây hụi như:

[2.1]. Hụi khui ngày 10/10/2015, hụi 5.000.000 đồng/tháng, gồm 20 phần, bà L tham gia 01 phần đã đóng được 02 kỳ bà L đóng kỳ 1: 3.500.000 đồng; kỳ 2: 3.490.000 đồng; kỳ 3 bà L hốt với số tiền là 67.000.000 đồng; đóng lại được 07 kỳ với số tiền 35 triệu đồng. Bà L đã đóng là 41.990.000 đồng khấu vào số tiền hốt bà L còn thiếu là 25.010.000 đồng.

[2.2]. Hụi khui ngày 10/12/2015, hụi 5.000.000 đồng/tháng, gồm 19 phần, bà L tham gia 01 phần đã hốt kỳ 4 với số tiền là 68.750.000 đồng; đã đóng được là 31.940.000đồng, khấu trừ tiền đóng vào tiền hốt bà L còn thiếu là 36.810.000 đồng .

[2.3]. Hụi khui 10/3/2016, dây hụi 5.000.000 đồng/tháng, gồm 21 phần, bà L tham gia 02 phần hốt 142.400.000 đồng. Bà L đã đóng là 27.670.000 đồng. Khấu trừ số tiền đã hốt vào tiền đã đóng thì bà L còn thiếu là 114.430.000 đồng.

[2.4]. Hụi khui ngày 10/03/2016, hụi 1.000.000 đồng/tháng, gồm 20 phần, bà L tham gia 01 phần hốt với số tiền 15.904.000 đồng, bà L đóng được là 3.250.000 đồng. Khấu trừ tiền đóng vào tiền hốt bà L còn thiếu 12.654.000 đồng.

[2.5]. Hụi khui ngày 10/5/2015 hụi 2.000.000 đồng/tháng, gồm 21 phần, bà L tham gia 01 phần đã hốt 29.100.000 đồng. Bà L đã đóng là 30.900.000 đồng. Khấu trừ số tiền hốt vào số tiền hốt bà L dư là 1.800.000 đồng.

[2.6]. Hụi khui ngày 10/06/2015, hụi 1.000.000 đồng/tháng, gồm 26 phần, bà L tham gia 02 phần đã hốt 38.800.000 đồng, đã đóng là 20.400.000 đồng. Khấu trừ số tiền hốt vào số tiền đóng bà L còn thiếu là 18.400.000 đồng.

[2.7]. Hui khui ngày 06/10/2015 dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, gồm 19 phần, bà tham gia 01 phần đã hốt với số tiền là 24.200.000 đồng. Bà L đã đóng 17.450.000 đồng. Khấu trừ số tiền đã đóng vào số tiền đã hốt, bà L còn thiếu: 6.750.000 đồng.

[2.8]. Hui khui ngày 10/04/2016, hụi 2.000.000 đồng/tháng, gồm 18 phần, bà L tham gia 01 phần hốt 26.800.000 đồng. Bà L đã đóng 5.190.000 đồng. Khấu trừ tiền đóng vào số tiền đã hốt bà L còn thiếu 21.160.000 đồng.

[2.9]. Hụi khui ngày 10/12/2015, dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, gồm 22 phần, bà L hốt 32.600.000đồng. Bà L đã đóng 11.400.000 đồng. Khấu trừ tiền hụi hốt vào tiền đã đóng bà L còn thiếu 21.200.000 đồng.

[2.10]. Hụi khui ngày 10/3/2015, hụi 2.000.000 đồng/tháng, gồm 22 phần, bà L tham gia 02 phần hốt 52.900.000đồng; bà L đóng lại với số tiền là 60 triệu. Khấu trừ hụi hốt và tiền hụi đã đóng bà L còn dư: 7.100.000 đồng.

Từ phân tích [2.1]; [2.2]; [2.3]; [2.3]; [2.4]; [2.5]; [2.6]; [2.7]; [2.8]; [2.9] và [2.10] thì L còn thiếu các đồng thừa kế của bà Ng là 256.864.000 đồng – (7.100.000 + 1.800.000) = 247.964.000 đồng. Do đó yêu cầu khởi kiện các nguyên đơn là có căn cứ là phù hợp với Điều 374 Bộ luật dân sự 2015 và phù hợp Điều 471 Bộ luật dân sự 2015.

[3]. Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn H rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 34.536.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện nên cần đình chỉ việc giai quyết vụ án theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Bà L phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn Điều 35, Điều 184, Điều 186, Điều 271, điểm c khoản 1 Điều 271, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Căn cứ Điều 471 và Điều

374, Điều 611, Điều 613, Điều 651, Điều 382 Bộ luật dân sự 2015;Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 2014 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1/Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các ông (bà) Nguyễn Văn Th, Lê Thị Ng, Nguyễn Văn H, Nguyễn Minh Đ và Nguyễn Hữu L về việc "*Đòi tài sản phát sinh từ hợp đồng góp hụi* " với bà Trương Thị Ngọc L.

Buộc bà Trương Thị Ngọc L phải trả cho ông (bà)Nguyễn Văn Th, Lê Thị Ng, Nguyễn Văn H, Nguyễn Minh Đ và Nguyễn Hữu L 247.964.000 đồng (Hai trăm bốn mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi bốn ngàn đồng).

Áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tính lãi chậm thi hành.

2/ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Nguyễn Văn Th, Lê Thị Ng, Nguyễn Văn H, Nguyễn Minh Đ và Nguyễn Hữu L về việc "*Đòi tài sản phát sinh từ hợp đồng góp hụi* " với bà Trương Thị Ngọc L đối với số tiền 34.536.000 đồng.

3/Về án phí: Buộc bà Trương Thị Ngọc L phải nộp 12.398.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung Ngân sách Nhà nước. Hoàn lại cho các ông (bà) Nguyễn Văn H, Nguyễn Minh Đ và Nguyễn Hữu L 7.663.000 đồng theo biên lai số 3905 ngày 27/11/2019 tại Chi cục thi hành án huyện Đức Hòa.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để xin xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yêt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực H theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-TAND Tỉnh Long An;
-VKSND huyện Đức Hòa;
-Chi cục THA huyện Đức Hòa;
-Lưu.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mộng Thúy